

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NA RÌ
TỈNH BẮC KẠN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 23-3-2022.

V/v: *Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NA RÌ, TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Võ Thanh Bình**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Lý Văn Tuyên**

Bà **Lê Thị Khuyên**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Ma Văn Chung** - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Bà **Triệu Kim Thúy** - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 81/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2021 về: “*Ly hôn*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2022/QĐXX-ST ngày 22 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 11 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Hoàng Thị H**, sinh năm 1982 (Có mặt);

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã S, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Bà **Đỗ Thị X**, là Trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Kạn (Vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh **Đàm Văn T**, sinh năm 1971 (Vắng mặt).

Nơi ĐKKHKT: Thôn K, xã V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

Chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã S, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/12/2021, bản tự khai, biên bản lấy lời khai của đương sự, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn chị Hoàng Thị H trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Hoàng Thị H và anh Đàm Văn T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2010, đến ngày 15/10/2015 đi đăng ký kết hôn tại

Ủy ban nhân dân xã L (Nay là xã S), huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Quá trình chung sống giữa hai vợ chồng thời gian đầu hòa thuận, hạnh phúc, đến năm 2017 thì hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là từ sau khi chị H đi xuất khẩu lao động về, anh T đánh đập chị H 06 lần (Có 01 lần chị H bị đánh phải đi điều trị tại Trung tâm y tế huyện N 05 ngày). Ngoài việc đánh đập thì anh T suốt ngày mắng chửi chị H. Ngoài ra anh T còn phá tán tài sản trong gia đình, cụ thể: Khi ở nhà chị H có mua 01 con trâu, khi đi xuất khẩu lao động có gửi tiền về mua thêm 01 con trâu và mua 01 chiếc máy tính xách tay để cho con học nhưng anh T đều bán đi để tiêu sài cá nhân. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đến ngày 25/8/2018 do không thể chung sống với anh T được nữa nên chị H lại đi xuất khẩu lao động tại nước Ả Lạp Xê Út và đến ngày 13/10/2021 chị H mới về Việt Nam. Tuy nhiên sau khi về đến nhà thì anh T lại tiếp tục mắng chửi chị H nhiều lần. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, xin được ly hôn với anh Đàm Văn T.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 (Một) con chung tên là Hoàng Thị N, sinh ngày 13/9/2013. Con chung khỏe mạnh và phát triển bình thường. Khi ly hôn chị H yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung đến năm đủ 18 tuổi. Chị H không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Ngoài con chung thì chị H còn có 01 con riêng tên là Hoàng Thị Th, sinh ngày 04/8/2004 đang sinh sống cùng chị H. Tuy nhiên chị H xác định chị khác tự chăm sóc, nuôi dưỡng con riêng nên không đề nghị Tòa án giải quyết trong vụ án này.

- Về tài sản chung, nợ chung:

+ Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

+ Về nợ chung: Hai vợ chồng không có nợ chung.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự và biên bản hòa giải bị đơn anh Đàm Văn T trình bày:

- Về hôn nhân: Anh T xây dựng gia đình với chị H trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L (Nay là xã S), huyện N, tỉnh Bắc Kạn vào ngày 15/10/2015. Quá trình chung sống giữa hai vợ chồng cũng có mâu thuẫn, anh T thừa nhận được đánh chị H 02 lần (Có 01 lần anh T đánh chị H phải đi bệnh viện điều trị), còn chị H khai anh T đánh 06 lần là không đúng. Khi vợ chồng xô sát chị H cũng được đánh, cắn anh T. Trong quá trình chung sống thì chị H thường xuyên kiểm chuyện mắng chửi anh T. Việc chị H khai anh T phá tán tài sản là không đúng, việc anh T bán trâu và máy tính thì anh T đã gọi điện hỏi ý kiến chị H. Nay anh T xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên không nhất trí ly hôn với chị H.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 (Một) con chung tên là Hoàng Thị N, sinh ngày 13/9/2013. Con chung khỏe mạnh và phát triển bình thường. Nếu Tòa án giải quyết cho hai vợ chồng ly hôn thì anh T tôn trọng ý kiến của con chung muốn ở với ai là tùy con.

- Về tài sản chung, nợ chung:

+ Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Không có

Tại các biên bản xác minh cùng ngày 13/01/2022 ông Bàn Sinh L, là Trưởng ban mặt trận thôn T, bà Hoàng Thị Th, là Trưởng thôn T cung cấp thông tin như sau:

Anh T có được đánh chị H 01 lần dẫn đến chị H phải đi Bệnh viện điều trị. Ngoài việc anh T đánh chị H thì anh T và chị H sống cùng nhau thường hay mắng chửi nhau nên Tổ hòa giải của thôn có mời cả hai vợ chồng đến để tổ chức hòa giải mâu thuẫn nhưng do hôm tổ chức hòa giải anh T không có mặt nên Tổ hòa giải không tổ chức hòa giải được. Ông L và bà Th thấy rằng hai vợ chồng chị H, anh T hay xảy ra mâu thuẫn. Mâu thuẫn của hai vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không hạnh phúc như các cặp vợ chồng khác.

Tại biên bản xác minh ngày 09/02/2022 ông Đặng Hữu T, là Công an viên thôn T cung cấp thông tin như sau:

Mỗi khi hai vợ chồng chị H, anh T ở với nhau thì hay mắng chửi và đe dọa đánh nhau. Khi ông nắm được thông tin như vậy, ông có sang nhà chị H, anh T để lập biên bản sự việc về vi phạm an ninh, trật tự. Sau khi lập được biên bản do vượt quá thẩm quyền của Công an viên thôn giải quyết nên ông đã chuyển toàn bộ biên bản cho Công an xã xem xét, giải quyết.

Tại các biên bản xác minh ngày 13/01/2022 và ngày 18/01/2022, bà Hà Thị Th, bà Ngọc Thị Th1 và chị Hoàng Thị H1; cùng địa chỉ: Thôn T, xã S, huyện N, tỉnh Bắc Kạn cung cấp thông tin như sau:

Nhà của bà Th, bà Th1 và chị H1 ở gần với nhà của vợ chồng chị H, anh T. Mỗi khi hai vợ chồng chị H, anh T ở với nhau thì thường xuyên nghe thấy hai vợ chồng mắng, chửi nhau. Ngoài ra bà Th còn cung cấp thêm thông tin là 01 lần bà được cháu T là con gái của chị H gọi bà đến nhà của chị H để đưa chị H đi Bệnh viện khám và điều trị thương tích. Theo chị H nói là do anh T đánh. Ngoài đánh chị H thì anh T còn đánh con gái riêng của chị H là cháu T 01 lần.

Tại biên bản xác minh ngày 13/01/2022 ông Trịnh Văn T, địa chỉ: Thôn T, xã S, huyện N, tỉnh Bắc Kạn cung cấp thông tin như sau:

Có 01 lần ông thấy hai vợ chồng chị H, anh T to tiếng với nhau nên có qua nhà của hai vợ chồng chị H, anh T xem thì thấy chị H nói là vừa bị anh T đánh và chị H bị thương tích. Thấy chị H nói như vậy, ông có gọi cho con gái của chị H là cháu T tìm người để đưa chị H đi Bệnh viện.

Tại biên bản xác minh ngày 25/01/2022 ông Nông Văn T, là Trưởng thôn của thôn K, xã V cung cấp thông tin như sau:

Anh T có đăng ký hộ khẩu thường trú và có nhà ở thôn K, xã V, huyện N nhưng sau khi anh T và chị H kết hôn thì hai vợ chồng không sinh sống ở thôn K mà sinh sống ở thôn T, xã S, huyện N nên ông không nắm được trong quá trình chung sống với nhau hai vợ chồng anh T, chị H có phát sinh mâu thuẫn gì hay không. Hiện nay anh T thường xuyên về sống tại thôn K, còn chị H không thấy về sinh sống cùng anh T tại thôn.

Tại biên bản xác minh ngày 25/01/2022 ông Hoàng Văn T, là Trưởng Công an xã V cung cấp thông tin như sau:

Qua kiểm tra sổ đăng ký thường trú của xã V thì anh Đàm Văn T có đăng ký thường trú tại: Thôn K, xã V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Tuy anh T đăng ký thường trú ở thôn K nhưng không thường xuyên sinh sống ở thôn mà về sinh sống với chị H, là vợ của anh T ở thôn T, xã S, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

Tại biên bản xác minh ngày 10/02/2022 ông Hoàng Văn L, là Phó Trưởng Công an xã S cung cấp thông tin như sau:

Qua kiểm tra hồ sơ lưu tại Công an xã thì không thấy có hồ sơ anh Đàm Văn T đánh chị Hoàng Thị H và cũng không thấy có biên bản vi phạm an ninh trật tự của hai vợ chồng chị H, anh T. Qua thăm nắm thông tin thì hai vợ chồng chị H, anh T sinh sống với nhau thường hay mắng chửi nhau dẫn đến mất an ninh, trật tự. Công an xã đã mời hai vợ chồng chị H, anh T đến Công an xã để làm bản cam kết không mắng chửi nhau. Chị H, anh T cũng cam kết sẽ không mắng, chửi nhau gây mất trật tự tại địa phương.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 09/02/2022 cháu Hoàng Thị T, là con riêng của nguyên đơn chị Hoàng Thị H trình bày như sau:

Hiện nay cháu đang học lớp 12 A8 Trường Hữu Nghị. Khi mẹ và bố dựng ly hôn thì cháu có nguyện vọng ở cùng với mẹ. Khi ở cùng với bố dựng thì bố dựng có mắng cháu dẫn đến việc học tập của cháu bị ảnh hưởng. Ngoài mắng ra thì khi cháu đang học ở trường thì bố dựng thường xuyên gọi điện thoại bắt cháu phải nghe làm ảnh hưởng đến việc học tập của cháu.

Tại đơn trình bày nguyện vọng ngày 22/02/2022 cháu Hoàng Thị N, là con chung của nguyên đơn chị Hoàng Thị H và bị đơn anh Đàm Văn T trình bày như sau:

Khi bố mẹ ly hôn thì cháu có nguyện vọng được ở cùng với mẹ để được chăm sóc một cách tốt nhất.

Bản luận cứ bảo vệ cho nguyên đơn của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho chị H gửi Tòa án nêu quan điểm như sau :

- Về hôn nhân: Mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không còn khả năng để hàn gắn. Chị H cảm thấy mình không được tôn trọng trong cuộc hôn nhân này do anh T hay mắng chửi, đánh đập, xúc phạm chị H, làm cho cuộc sống chung căng thẳng mệt mỏi nếu cứ tiếp tục duy trì tình trạng hôn nhân như hiện nay cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai. Do mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được đề nghị Tòa án giải quyết cho chị H được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Đề nghị Tòa án giao con chung là Hoàng Thị N, sinh năm 2013, cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng, chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với con riêng của chị H là cháu Hoàng Thị T, thực tế hiện nay chị H đang trực tiếp nuôi dưỡng, chị H không yêu cầu giải quyết việc nuôi con riêng trong vụ án này, do đó cần tôn trọng sự tự định đoạt của chị H.

- Về tài sản chung: Chị H và anh T không yêu cầu tòa án xem xét giải quyết.

Từ những phân tích nêu trên, kính đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị H.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:* Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đều chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vẫn không đến tham gia phiên tòa nên bị đơn không chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về việc giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chị Hoàng Thị H được ly hôn với anh Đàm Văn T.

- *Về con chung:* Giao con chung tên là Hoàng Thị N, sinh ngày 13/9/2013 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng đến năm đủ 18 tuổi. Nghĩa vụ cấp dưỡng do chị H không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Đối với con riêng của chị H là cháu Hoàng Thị T đề nghị Tòa án ghi nhận sự tự định đoạt tự chịu trách nhiệm chăm sóc nuôi dưỡng con riêng của chị H. Giao cháu T cho chị H tự chịu trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng.

- *Về án phí:* Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Chị Hoàng Thị H có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Đàm Văn T. Bị đơn anh Đàm Văn T có khẩu thường trú tại: Thôn K, xã V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn và chỗ ở hiện nay tại: Thôn T, xã S, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn.

Bị đơn anh Đàm Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất và phiên tòa lần thứ hai. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Căn cứ vào các tài liệu do các bên đương sự cung cấp, các tài liệu, chứng cứ do tòa án xác minh, thu thập; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX thấy rằng quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T là hợp pháp kể từ thời điểm đăng ký kết hôn. Sau khi về chung sống như vợ chồng năm 2010, đăng ký kết hôn năm 2015, thời gian đầu (từ 2010 đến 2015) tình cảm vợ chồng hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì. Đến năm 2017 sau khi chị H đi xuất khẩu lao động về nước thì giữa chị H và anh T bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do anh T hay mắng chửi, xúc phạm, thiếu tôn trọng và có hành vi đánh đập chị H nhiều lần. Do mâu thuẫn vợ chồng không thể dung hòa

được nên đến năm 2018 chị H lại tiếp tục đi xuất khẩu lao động tại nước Ả Lạp Xê Út đến ngày 13/10/2021 chị H mới về Việt Nam. Sau khi chị H về nhà tình cảm vợ chồng vẫn không được cải thiện mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng thêm. Chị H và anh T không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, không còn sự tôn trọng, tin tưởng nhau. Quá trình giải quyết vụ án, anh T cũng thừa nhận là giữa anh T và chị H hay xảy ra mâu thuẫn, anh T có mắng chửi, có nói một số lời xúc phạm đến chị H, khi hai vợ chồng xô sát anh T do không kiểm chế được có đánh chị H 02 lần, trong đó có 01 lần chị H phải đi bệnh viện huyện để khám và điều trị. Có lần anh T cũng bị chị H đánh lại, cắn vào tay anh T. Anh T cho rằng chị H nói anh T phá tán tài sản là không đúng, vì khi chị H đang ở nước ngoài anh T đã gọi điện bàn với chị H về việc bán trâu và máy tính để có tiền chi tiêu trong cuộc sống. Anh T cho rằng vẫn còn tình cảm với chị H và không muốn ly hôn với chị H vì thương con. Mặc dù anh T cho rằng vẫn còn tình cảm với chị H nhưng các tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của chính anh T có trong hồ sơ vụ án thể hiện giữa anh T và chị H thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, các bên hiện tại không tìm thấy tiếng nói chung, các bên không còn có sự tôn trọng, thương yêu nhau, anh T có hành vi bạo lực gia đình đối với chị H. Như vậy, việc anh T cho rằng vẫn còn tình cảm với chị H là không có căn cứ để chấp nhận. Đánh giá toàn diện vụ việc, HĐXX thấy rằng có căn cứ để kết luận hôn nhân giữa chị H và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của cuộc hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị H là có cơ sở, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình nên được chấp nhận.

[3] Về nuôi con chung: Chị H và anh T có 01 (Một) con chung tên là Hoàng Thị N, sinh ngày 13/9/2013, con chung khỏe mạnh và phát triển bình thường. H nay con chung đang sống cùng chị H. Xét đề nghị của chị H sau khi ly hôn được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung là phù hợp với nguyện vọng của con chung và cũng phù hợp với ý kiến của anh T về việc sau khi ly hôn tôn trọng nguyện vọng của con chung nên yêu cầu của chị H được quyền trực tiếp nuôi con chung là phù hợp, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với cháu Hoàng Thị T, sinh ngày 04/8/2004 là con riêng của chị H. Thực tế hiện tại cháu T đang do chị H chịu trách nhiệm nuôi dưỡng, cháu T cũng có ý kiến là được ở cùng với chị H. Chị H có ý kiến tự chịu trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con riêng, không yêu cầu giải quyết việc nuôi con riêng trong vụ án này. Xét thấy, ý kiến của chị H thể hiện quyền tự định đoạt của đương sự, đồng thời không ảnh hưởng đến quyền được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục của cháu T. Do đó, HĐXX ghi nhận sự tự định đoạt tự chịu trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con riêng là cháu T của chị H.

[4] Về tài sản chung và nợ chung:

- Về tài sản chung: Chị H và anh T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Chị H và anh T đều trình bày trong quá trình chung sống hai vợ chồng không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[6] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 227, Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 272, Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện về việc xin ly hôn, nuôi con chung của chị Hoàng Thị H đối với anh Đàm Văn T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị H được ly hôn với anh Đàm Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung tên là Hoàng Thị N, sinh ngày 13/9/2013 cho chị Hoàng Thị H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn anh Đàm Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Nghĩa vụ cấp dưỡng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung:

- Về tài sản chung: Chị Hoàng Thị H và anh Đàm Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Chị Hoàng Thị H và anh Đàm Văn T xác định không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Hoàng Thị H phải chịu 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 00071747, ngày 23/12/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn. Xác nhận chị H đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND huyện Na Rì;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Na Rì;
- UBND xã S;
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Võ Thanh Bình